

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (Mẫu số B01a – CTQ)	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (Mẫu số B02a – CTQ)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (Mẫu số B03a – CTQ)	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ (Mẫu số B05a – CTQ)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Mẫu số B09a – CTQ)	11 - 44

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

<b>Giấy phép thành lập và hoạt động</b>	Số 15/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép thành lập và hoạt động thay đổi gần nhất số Số 32/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 27 tháng 5 năm 2021.	
<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</b>	Số 4103005793 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ nhất) số 0304756863 được cấp ngày 13 tháng 10 năm 2022.	
<b>Hội đồng Quản trị</b>	Bà Nguyễn Thanh Thảo Ông Jonathan Charles Eames Ông Trần Vinh Quang	Chủ tịch Thành viên Thành viên
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Bà Nguyễn Thanh Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
<b>Tổng Giám đốc</b>	Ông Trần Vinh Quang	
<b>Hoạt động chính</b>	Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.	
<b>Trụ sở chính</b>	Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	
<b>Công ty Kiểm toán</b>	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

### Trách nhiệm của Tổng Giám Đốc Công ty đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tổng Giám Đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Giám Đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở Công ty và các công ty con hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty và các công ty con hoạt động liên tục là không phù hợp.

Tổng Giám Đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày từ Thuyết minh 2 đến Thuyết minh 4 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tổng Giám Đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và các công ty con và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho Ông Tô Quốc Tuấn - Giám đốc Tài chính và Kế toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (Công ty mẹ) để phê chuẩn và ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền ngày 19 tháng 7 năm 2023.

### Phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm từ trang 5 đến trang 44. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam.



Tô Quốc Tuấn

Giám đốc Tài chính và Kế toán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (Công ty mẹ)  
Chữ ký được ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 14 tháng 8 năm 2023

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (“Công ty”) và các công ty con được lập ngày 30 tháng 6 năm 2023, và được Tổng Giám Đốc của Công ty phê chuẩn ngày 14 tháng 8 năm 2023. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 44.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám Đốc**

Tổng Giám Đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám Đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã lần lượt được soát xét và kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác mà báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ của họ đề ngày 12 tháng 8 năm 2022 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần và báo cáo kiểm toán độc lập của họ đề ngày 29 tháng 3 năm 2023 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Hoàng Nam  
Số Giấy CN ĐKKH kiểm toán:  
0849-2023-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HCM14170  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2023

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Chi tiêu TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.356.188.055.903</b>	<b>2.292.234.426.657</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	5.1	<b>38.267.857.061</b>	<b>48.577.339.437</b>
111	Tiền		27.367.857.061	44.577.339.437
112	Các khoản tương đương tiền		10.900.000.000	4.000.000.000
<b>120</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>3.061.386.969.954</b>	<b>2.072.271.846.251</b>
121	Đầu tư ngắn hạn	5.2(a)	3.061.386.969.954	2.074.064.142.947
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	5.2	-	(1.792.296.696)
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>256.080.187.058</b>	<b>170.976.484.180</b>
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		346.627.500	31.927.500
134	Phải thu hoạt động nghiệp vụ	5.3	9.720.867.262	11.109.074.162
135	Phải thu ngắn hạn khác	5.4	246.012.692.296	159.835.482.518
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>453.041.830</b>	<b>408.756.789</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		397.925.542	356.664.901
152	Thuế GTGT được khấu trừ		55.116.288	52.091.888
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.686.816.789.846</b>	<b>2.936.444.906.912</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>31.822.748</b>	<b>42.548.912</b>
221	Tài sản cố định hữu hình		31.822.748	42.548.912
222	Nguyên giá		64.357.000	64.357.000
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(32.534.252)	(21.808.088)
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>3.685.939.161.519</b>	<b>2.934.817.616.876</b>
258	Đầu tư dài hạn khác	5.2(b)	3.685.939.161.519	2.934.817.616.876
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>845.805.579</b>	<b>1.584.741.124</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn		207.142.716	247.678.145
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		539.285.156	1.242.018.052
268	Tài sản dài hạn khác		99.377.707	95.044.927
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>7.043.004.845.749</b>	<b>5.228.679.333.569</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mã số	Chi tiêu NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2023 VND	31.12.2022 VND (Phân loại lại)
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>6.664.684.164.767</b>	<b>4.896.600.162.907</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>6.664.684.164.767</b>	<b>4.711.100.162.907</b>
311	Vay ngắn hạn	5.11(a)	455.002.500.000	206.300.000.000
312	Phải trả người bán ngắn hạn	5.5	290.719.540.965	32.179.115.956
313	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	858.280.000
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.6	7.398.648.913	5.479.588.998
315	Phải trả người lao động	5.7	1.282.425.000	234.635.591
316	Chi phí phải trả ngắn hạn	5.8	24.836.714.108	16.860.576.452
319	Phải trả ngắn hạn khác	5.9	5.868.335.203.883	4.443.516.798.717
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.671.167.193	5.671.167.193
328	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	5.10	11.437.964.705	-
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		-	<b>185.500.000.000</b>
334	Vay dài hạn	5.11(b)	-	185.500.000.000
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>378.320.680.982</b>	<b>332.079.170.662</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>378.320.680.982</b>	<b>332.079.170.662</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	5.12, 5.13	125.000.000.000	125.000.000.000
418	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5.13	1.755.891.311	1.755.891.311
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.13	1.755.891.311	1.755.891.311
420	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	5.13	223.759.958.438	181.781.691.011
420a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		181.781.691.011	120.308.382.392
420b	- LNST chưa phân phối của kỳ/năm này		41.978.267.427	61.473.308.619
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	5.13	26.048.939.922	21.785.697.029
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>7.043.004.845.749</b>	<b>5.228.679.333.569</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thuyết minh	Tại ngày	
				30.6.2023	31.12.2022 (Trình bày lại)
<b>006</b>	<b>Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ</b>				
	<i>Trong đó</i>				
007	Chứng khoán giao dịch	VND		33.810.000.000	33.810.000.000
<b>030</b>	<b>Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác</b>				
031	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	VND		116.736.906.989	161.151.798.129
032	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	VND		3.243.141	3.936.463
<b>040</b>	<b>Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác</b>				
041	Nhà đầu tư ủy thác trong nước	VND	5.14 (a)	2.294.747.526.585	2.564.393.522.920
042	Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	VND	5.14 (a)	2.996.214.035	2.996.214.035
<b>050</b>	<b>Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác</b>	VND	<b>5.14 (b)</b>	<b>48.353.811.573</b>	<b>65.883.288.362</b>
<b>051</b>	<b>Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác</b>	VND	<b>5.14 (c)</b>	<b>20.068.254.330</b>	<b>18.048.283.672</b>



Phạm Uyên Vy  
Người lập



Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng



  
Tô Quốc Tuấn  
Giám đốc Tài chính và Kế toán  
(Công ty mẹ)  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 14 tháng 8 năm 2023

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
			30.6.2023 VND	30.6.2022 VND
01	Doanh thu về hoạt động kinh doanh	5.15	10.673.690.807	13.936.630.155
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		10.673.690.807	13.936.630.155
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	5.16	(5.571.663.461)	(5.667.022.571)
20	Lợi nhuận gộp về hoạt động kinh doanh		5.102.027.346	8.269.607.584
21	Doanh thu hoạt động tài chính	5.17	255.972.285.715	165.622.395.755
22	Chi phí tài chính	5.18	(201.101.181.758)	(121.574.378.252)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	5.18	(16.160.749.265)	(20.101.110.646)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.19	(3.834.318.678)	(2.449.369.282)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		56.138.812.625	49.868.255.805
31	Thu nhập khác		17.803.174	-
32	Chi phí khác		-	(125.006.691)
40	Lợi nhuận/(lỗ) thuần khác		17.803.174	(125.006.691)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		56.156.615.799	49.743.249.114
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") - hiện hành	5.20	(9.987.372.583)	(10.426.429.934)
52	(Chi phí)/thu nhập thuế TNDN - hoãn lại		(702.732.896)	473.800.113
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		45.466.510.320	39.790.619.293
<b>Phân bổ cho</b>				
61	Cổ đông của Công ty		41.978.267.427	37.666.563.864
62	Cổ đông không kiểm soát		3.488.242.893	2.124.055.429
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		3.358	3.013



Phạm Uyên Vy  
Người lập



Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng



Tô Quốc Tuấn  
Giám đốc Tài chính và Kế toán  
(Công ty mẹ)  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
			30.6.2023 VND	30.6.2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		56.156.615.799	49.743.249.114
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")		10.726.164	7.494.461
03	Các khoản dự phòng		(1.792.296.696)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(255.958.208.850)	(164.387.961.438)
06	Chi phí lãi vay		16.160.749.265	20.101.110.646
08	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(185.422.414.318)</b>	<b>(94.536.107.217)</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(23.214.131.671)	(6.707.638.614)
11	Tăng các khoản phải trả		1.697.539.555.476	1.978.521.995.177
12	Tăng chi phí trả trước		(725.212)	(83.809.896)
13	Tiền lãi vay đã trả		(10.385.761.564)	(20.101.110.646)
14	Tiền thuế TNDN đã nộp	5.6	(7.653.016.659)	(28.109.177.749)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>1.470.863.506.052</b>	<b>1.828.984.151.055</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ		-	(33.560.000)
23	Tiền chi cho đầu tư, cho vay và mua công cụ nợ của đơn vị khác		(5.278.031.546.709)	(4.069.934.201.099)
24	Tiền thu hồi đầu tư, cho vay và mua công cụ nợ từ đơn vị khác		3.548.069.558.954	2.283.322.777.713
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(120.441.455.200)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.072.850.000	50.145.429.997
27	Tiền thu lãi tiền gửi		198.903.649.327	74.710.221.998
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.529.985.488.428)</b>	<b>(1.782.230.786.591)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu		775.000.000	280.000.000
33	Tiền thu đi vay		435.037.500.000	1.136.502.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(387.000.000.000)	(1.180.710.000.000)
40	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>48.812.500.000</b>	<b>(43.928.000.000)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(10.309.482.376)</b>	<b>2.825.364.464</b>
60	Tiền đầu kỳ	5.1	<b>48.577.339.437</b>	<b>25.366.907.371</b>
70	Tiền cuối kỳ	5.1	<b>38.267.857.061</b>	<b>28.192.271.835</b>

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được trình bày tại Thuyết minh 5.22.



Phạm Uyên Vy  
Người lập



Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng



Tô Quốc Tuấn  
Giám đốc Tài chính và Kế toán  
(Công ty mẹ)  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT**

**Mẫu số B05 – CTQ**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT**

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày		Trong kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2022		Trong kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2023		Tại ngày	
		1.1.2022	1.1.2023	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	30.6.2022	30.06.2023
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.12,	125,000,000,000	125,000,000,000	-	-	-	-	125,000,000,000	125,000,000,000
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5.13	1,755,891,311	1,755,891,311	-	-	-	-	1,755,891,311	1,755,891,311
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.13	1,755,891,311	1,755,891,311	-	-	-	-	1,755,891,311	1,755,891,311
Lợi nhuận chưa phân phối	5.13	120,308,382,392	181,781,691,011	37,666,563,864	-	41,978,267,427	-	157,974,946,256	223,759,958,438
Lợi ích cổ đông không kiểm soát		18,785,196,794	21,785,697,029	2,404,055,429	-	4,263,242,893	-	21,189,252,223	26,048,939,922
		<b>267,605,361,808</b>	<b>332,079,170,662</b>	<b>40,070,619,293</b>	-	<b>46,241,510,320</b>	-	<b>307,675,981,101</b>	<b>378,320,680,982</b>

*Phạm Uyên Vy*

Phạm Uyên Vy  
Người lập

*Nguyễn Thị Anh Tú*

Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng



Tô Quốc Tuấn  
Giám đốc Tài chính và Kế toán  
(Công ty mẹ)  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (“Công ty”) (tên trước đây là “Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc”), là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 15/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 32/GPĐC-UBCK cấp ngày 27 tháng 5 năm 2021. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 4103005793 vào ngày 28 tháng 12 năm 2006. Ngày 13 tháng 10 năm 2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ nhất) để đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp thành 0304756863 vào ngày 13 tháng 10 năm 2022.

Cổ đông lớn nhất của Công ty là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (“TVS”). Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 5.12.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty và các công ty con có 18 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 19 nhân viên).

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT**

Mẫu số B09a – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ CÁC CÔNG TY CON (tiếp theo)**

Tại ngày báo cáo, Công ty có 1 công ty con trực tiếp như sau.

STT	Tên	Địa điểm	Hoạt động chính	30.6.2023		31.12.2022	
				Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền quyết %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền quyết %
1	Công ty Cổ phần Finsight	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ tài chính, dịch vụ công nghệ thông tin, nghiên cứu thị trường	91,37	91,37	91,37	91,37

Tại ngày báo cáo, Công ty có 1 bên liên quan là công ty con của Finsight như sau.

STT	Tên	Địa điểm	Hoạt động chính	30.6.2023		31.12.2022	
				Tỷ lệ sở hữu của TVAM %	Tỷ lệ quyền quyết của Finsight %	Tỷ lệ sở hữu của TVAM %	Tỷ lệ quyền quyết của Finsight %
1	Công ty Cổ phần Camellia Wealth (*)	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ tư vấn quản lý	35,50	49,00	-	-

Tại ngày báo cáo, Công ty đang quản lý các quỹ đầu tư sau:

Hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký	Vốn điều lệ VND	Giá trị tài sản ròng tại ngày 30.6.2023 VND	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31.12.2022 VND
Quỹ Đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 3	01/2021/GCNCCQ-VSD cấp ngày 17 tháng 9 năm 2021	199.008.000.000	222.294.951.475	182.410.337.183
Quỹ Đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 4	01/2022/GCNCCQ-VSD cấp ngày 28 tháng 7 năm 2022	200.600.000.000	227.897.617.775	188.349.498.307

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**2 NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Công ty và các công ty con sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là Đồng Việt Nam (“Đồng” hoặc “VND”).

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Thông tư 125/2011/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**3.2 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty và các công ty con sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.3 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

**Công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng nhóm được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của các công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Công ty mẹ áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán.

**Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.3 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát (tiếp theo)**

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư có kỳ đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**4.2 Các khoản đầu tư**

**Đầu tư ngắn hạn**

Đầu tư ngắn hạn là chứng khoán do Công ty và các công ty con nắm giữ cho mục đích kinh doanh và được nắm giữ chủ yếu cho mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Sau đó, Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty và các công ty con có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh;
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.3 Các khoản phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tới ngày đến hạn thu hồi.

**4.4 Tài sản cố định (“TSCĐ”)**

*TSCĐ hữu hình*

TSCĐ được phân ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí kinh doanh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ kế toán.

*Khấu hao*

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Máy móc thiết bị 3 năm

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**4.5 Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**4.7 Nợ phải trả**

Các khoản phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tới ngày đến hạn thanh toán.

**4.8 Vay**

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và các đối tượng khác.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tới ngày đến hạn thanh toán.

**4.9 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ kế toán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.10 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí kinh doanh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ.

**4.11 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước cho một hay nhiều kỳ kế toán chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi đã nhận trước chờ phân bổ từ các hợp đồng tiền gửi. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ kế toán tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

**4.12 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty và các công ty con tại thời điểm báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.13 Phân chia lợi nhuận**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ kế toán mà cổ tức được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty trích lập các quỹ sau:

**Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:**

Từ ngày 1 tháng 2 năm 2022, Thông tư 114/2021/TT-BTC do Bộ Tài chính ban ngày 17 tháng 12 năm 2021 chính thức có hiệu lực, theo đó:

- Chế độ tài chính đối với công ty quản lý quỹ theo Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 được bãi bỏ toàn bộ.
- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ theo Luật Chứng khoán 2019, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ hoạt động của Công ty.
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn, và Điều lệ hoạt động của Công ty, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định.

Trước ngày 1 tháng 2 năm 2022:

- Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, công ty quản lý quỹ phải trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế TNDN cho mỗi quỹ vào mỗi năm có lợi nhuận cho đến khi mỗi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ.
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm, sử dụng quỹ bảo vệ nhà đầu tư và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí.
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trích lập để bổ sung vốn điều lệ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.14 Ghi nhận doanh thu**

**(a) Doanh thu hoạt động nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ khác**

Doanh thu hoạt động nghiệp vụ bao gồm doanh thu phát sinh trong kỳ từ hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý công ty đầu tư chứng khoán, doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư, thu phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán, thu phí thường hoạt động do quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và các nhà đầu tư thường cho Công ty.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*(i) Doanh thu từ hoạt động quản lý đầu tư*

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

*(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư*

Doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**(b) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**(c) Thu nhập từ cổ tức/lợi nhuận được chia**

Thu nhập từ cổ tức/lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty và các công ty con xác lập quyền nhận cổ tức/lợi nhuận từ các đơn vị đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.15 Chi phí hoạt động kinh doanh**

Chi phí hoạt động kinh doanh được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Chi phí hoạt động kinh doanh là các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến hoạt động nghiệp vụ của Công ty và các công ty con, chủ yếu bao gồm chi phí nhân viên, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí vật tư, đồ dùng văn phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí quản lý khác.

**4.16 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí lãi vay, hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

**4.17 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty và các công ty con .

**4.18 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của kỳ hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương thức công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023****4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****4.19 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty và các công ty con hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty và các công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty và các công ty con, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám Đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**4.20 Ước tính kế toán trọng yếu**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con và được Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

**4.21 Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ không được thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY  
TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Tại ngày</b>	
	<b>30.6.2023</b>	<b>31.12.2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	151.628.368	65.345.094
Tiền gửi ngân hàng	27.216.228.693	44.511.994.343
Các khoản tương đương tiền	10.900.000.000	4.000.000.000
	<u>38.267.857.061</u>	<u>48.577.339.437</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT**

Mẫu số B09a – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**(a) Đầu tư ngắn hạn**

	Tại ngày 30.6.2023		Tại ngày 31.12.2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Chứng chỉ quỹ niêm yết (*)	13.125.000.000	20.875.000.000	13.125.000.000	21.000.000.000
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 3	13.125.000.000	20.875.000.000	13.125.000.000	21.000.000.000
Trái phiếu niêm yết (i) (*)	138.903.648.130	138.903.648.130	37.779.158.591	37.365.458.591
Trái phiếu doanh nghiệp	138.903.648.130	138.903.648.130	37.779.158.591	37.365.458.591
Trái phiếu không niêm yết (ii) (**)	461.302.621.788	461.302.621.788	666.623.994.432	666.623.994.372
Trái phiếu tổ chức tín dụng	292.557.674.800	292.557.674.800	176.983.903.761	176.983.903.761
Trái phiếu doanh nghiệp	168.744.946.988	168.744.946.988	489.640.090.671	489.640.090.611
Cổ phiếu không niêm yết	124.841.368.687	(***)	169.691.799.399	(***)
Công ty Cổ phần Finhay Việt Nam	74.508.400.687	(***)	119.358.831.399	(***)
Công ty Cổ phần Giải trí và Giáo dục Galaxy	29.632.968.000	(***)	29.632.968.000	(***)
Công ty Cổ phần Galaxy Education	20.700.000.000	(***)	20.700.000.000	(***)
Chứng chỉ tiền gửi (ii) (**)	262.002.537.408	262.002.537.408	544.437.868.060	544.437.868.060
Hợp đồng tiền gửi (iii) (**)	1.715.911.793.941	1.715.911.793.941	430.576.322.465	430.576.322.465
Đầu tư công cụ nợ ngắn hạn khác (iv)	345.300.000.000	345.300.000.000	211.830.000.000	211.830.000.000
Cửa doanh nghiệp	218.000.000.000	218.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Cửa cá nhân	127.300.000.000	127.300.000.000	11.830.000.000	11.830.000.000
	<b>3.061.386.969.954</b>		<b>2.074.064.142.947</b>	<b>(413.700.000)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

Mẫu số B09a – CTQ

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

## 5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

### 5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### (a) Đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)

- (i) Bao gồm các trái phiếu được phát hành bởi tổ chức tín dụng và doanh nghiệp. Trong đó trái phiếu của tổ chức tín dụng có kỳ hạn từ 7 - 8 năm, lãi suất từ 6,475% - 9,6%/năm; trái phiếu doanh nghiệp có kỳ hạn từ 2 - 3 năm, lãi suất từ 10% - 15%/năm.
- (ii) Chứng chỉ tiền gửi được phát hành bởi các tổ chức tín dụng, có thời hạn từ 6 tháng đến 2 năm, lãi suất từ 9,2% - 12%/năm.
- (iii) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 16 tháng và có lãi suất từ 7,2% - 11,6%/năm.
- (iv) Các khoản cho vay có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng, lãi suất từ 7% - 18%/năm.
- (\*) Giá trị hợp lý của trái phiếu niêm yết/chứng chỉ quỹ niêm yết được xác định dựa trên giá đóng cửa của trái phiếu/chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.
- (\*\*) Giá trị hợp lý của trái phiếu không niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi được xác định bằng giá gốc theo chính sách định giá của Công ty và các công ty con và lãi dự thu của các tài sản tài chính này được hạch toán vào tài khoản riêng.
- (\*\*\*) Tại ngày lập báo cáo, Công ty và các công ty con chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT**

Mẫu số B09a – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(b) Đầu tư dài hạn khác**

	Tại ngày 30.6.2023			Tại ngày 31.12.2022		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Trái phiếu niêm yết (i)</b>	<b>294.758.614.049</b>	<b>294.758.614.049</b>	-	<b>296.618.425.287</b>	<b>295.239.828.591</b>	<b>(1.378.596.696)</b>
<i>Trái phiếu tổ chức tín dụng</i>	<i>287.977.814.049</i>	<i>287.977.814.049</i>	-	<i>183.063.311.781</i>	<i>183.063.311.781</i>	-
<i>Trái phiếu doanh nghiệp</i>	<i>6.780.800.000</i>	<i>6.780.800.000</i>	-	<i>113.555.113.506</i>	<i>113.555.113.506</i>	<i>(1.378.596.696)</i>
<b>Trái phiếu không niêm yết (i)</b>	<b>2.238.137.983.087</b>	<b>2.238.137.983.087</b>	-	<b>2.513.126.341.589</b>	<b>2.513.126.341.589</b>	-
<i>Trái phiếu tổ chức tín dụng</i>	<i>2.156.875.478.652</i>	<i>2.156.875.478.652</i>	-	<i>2.469.526.458.211</i>	<i>2.469.526.458.211</i>	-
<i>Trái phiếu doanh nghiệp</i>	<i>81.262.504.435</i>	<i>81.262.504.435</i>	-	<i>43.599.883.438</i>	<i>43.599.883.438</i>	-
<b>Chứng chỉ tiền gửi (ii)</b>	<b>543.000.000.000</b>	<b>543.000.000.000</b>	-	-	-	-
<b>Hợp đồng tiền gửi (iii)</b>	<b>388.042.564.383</b>	<b>388.042.564.383</b>	-	-	-	-
<b>Đầu tư công cụ nợ dài hạn Của doanh nghiệp</b>	<b>222.000.000.000</b>	<b>222.000.000.000</b>	-	<b>124.000.000.000</b>	<b>124.000.000.000</b>	-
	<b>222.000.000.000</b>	<b>222.000.000.000</b>	-	<b>124.000.000.000</b>	<b>124.000.000.000</b>	-
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	-	<b>1.072.850.000</b>	<b>1.072.850.000</b>	-
	<b>3.685.939.161.519</b>	<b>3.685.939.161.519</b>	-	<b>2.934.817.616.876</b>	<b>2.934.817.616.876</b>	<b>(1.378.596.696)</b>

(i) Bao gồm trong trái phiếu do các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp phát hành. Trong đó trái phiếu của tổ chức tín dụng có kỳ hạn từ 6 - 10 năm, lãi suất từ 6,33 - 10,10%/năm; trái phiếu doanh nghiệp có kỳ hạn từ 3 - 4 năm, lãi suất từ 10,50% - 15,78%/năm.

(ii) Chứng chỉ tiền gửi được phát hành bởi các tổ chức tín dụng, có kỳ hạn từ 15 - 18 tháng, lãi suất từ 10,75% - 11,50%/năm.

(iii) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 13 - 16,5 tháng, lãi suất từ 9,15% - 9,6%/năm.

(iv) Các khoản cho vay có kỳ hạn còn lại từ 15 - 32 tháng, lãi suất từ 12% - 15%/năm.

Một số trái phiếu của Công ty và công ty con đang được dùng để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng (Thuyết minh 5.11).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 20235 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY  
TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

## 5.3 PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Tại ngày	
	30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
Phải thu từ hoạt động quản lý danh mục	9.720.867.262	11.109.074.162

## 5.4 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại ngày	
	30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
Lãi phải thu trái phiếu, tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và cho vay	198.011.848.594	136.115.599.659
Phải thu từ đối tác thu hộ	46.779.185.864	23.719.882.859
Khác	1.221.657.838	-
	246.012.692.296	159.835.482.518

## 5.5 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại ngày	
	30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Di động trực tuyến	13.912.213.466	32.170.115.956
Khác	-	9.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh 7(b))	276.807.327.499	-
	290.719.540.965	32.179.115.956

## 5.6 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong kỳ như sau:

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Tại ngày 30.6.2023 VND
Thuế TNDN	3.523.336.566	9.987.372.583	(7.653.016.659)	5.857.692.490
Thuế thu nhập cá nhân	1.956.252.432	9.335.946.075	(9.751.242.084)	1.540.956.423
Khác	-	7.000.000	(7.000.000)	-
	5.479.588.998	19.330.318.658	(17.411.258.743)	7.398.648.913

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 20235 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY  
TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

## 5.7 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm tiền lương và thưởng phải trả cho người lao động.

## 5.8 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại ngày	
	30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
Phí quản lý người dùng	17.153.852.677	-
Lãi vay	7.084.355.987	16.474.368.286
Khác	598.505.444	386.208.166
	<u>24.836.714.108</u>	<u>16.860.576.452</u>

## 5.9 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Tại ngày	
	30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
Phải trả từ hợp đồng hợp tác kinh doanh với người dùng	5.620.427.486.818	4.205.421.798.717
Phải trả hợp tác kinh doanh với cá nhân	247.888.502.065	238.095.000.000
Phải trả khác	19.215.000	-
	<u>5.868.335.203.883</u>	<u>4.443.516.798.717</u>

## 5.10 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
Lãi nhận trước từ các hợp đồng tiền gửi chờ phân bổ	<u>11.437.964.705</u>	<u>-</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT**

Mẫu số B09a – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.11 VAY**

**(a) Vay ngắn hạn**

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ dài hạn đến hạn phải trả VND	Tại ngày 30.6.2023 VND
Vay ngân hàng	184.600.000.000	199.600.000.000	(184.600.000.000)	-	199.600.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	85.000.000.000	100.000.000.000	(85.000.000.000)	-	100.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (ii)	99.600.000.000	99.600.000.000	(99.600.000.000)	-	99.600.000.000
Vay cá nhân (iii)	21.700.000.000	250.602.500.000	(185.400.000.000)	168.500.000.000	255.402.500.000
- Bên thứ ba	21.700.000.000	63.700.000.000	(75.400.000.000)	-	10.000.000.000
- Bên liên quan (Thuyết minh 7(b))	-	186.902.500.000	(110.000.000.000)	168.500.000.000	245.402.500.000
	206.300.000.000	450.202.500.000	(370.000.000.000)	168.500.000.000	455.002.500.000

**(b) Vay dài hạn**

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ dài hạn đến hạn phải trả VND	Tại ngày 30.6.2023 VND
Vay cá nhân - Bên liên quan (Thuyết minh 7(b)) (iii)	185.500.000.000	-	(17.000.000.000)	(168.500.000.000)	-
(i) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng có hạn mức là 100 tỷ Đồng, thời hạn vay từ 5 tháng, chịu lãi suất 7,8%/năm, sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần. Khoản vay được đảm bảo bằng lô trái phiếu có giá trị là 100 tỷ Đồng.					
(ii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng có hạn mức là 99,6 tỷ Đồng, thời hạn vay là 12 tháng, chịu lãi suất 6,6%/năm, sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 1 tháng 1 lần. Khoản vay được đảm bảo bằng lô trái phiếu có giá trị là 100 tỷ Đồng.					

(iii) Các khoản vay tín chấp từ các cá nhân theo các hợp đồng vay có tổng hạn mức 317,6 tỷ Đồng, được giải ngân nhiều lần, thời hạn vay dưới 6 tháng, chịu lãi suất trước thuế thu nhập cá nhân từ 5,79% đến 9,47%/năm dựa trên kỳ hạn của từng lần giải ngân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 20235 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY  
TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

## 5.12 VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

## (a) Số lượng cổ phiếu phổ thông

	Tại ngày	
	30.6.2023	31.12.2022
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký	12.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành	12.500.000	12.500.000

## (b) Chi tiết và tình hình biến động của vốn cổ phần

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

Tất cả các cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông, đều có các quyền giống nhau về quyền biểu quyết, hưởng cổ tức, hoàn vốn, hay các quyền khác.

Chi tiết cổ đông và tỷ lệ sở hữu (%) tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	30.6.2023			31.12.2022		
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đã góp VND	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đã góp VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	12.480.000	99,84	124.800.000.000	12.480.000	99,84	124.800.000.000
Trần Vinh Quang	10.000	0,08	100.000.000	10.000	0,08	100.000.000
Lê Quang Tiến	10.000	0,08	100.000.000	10.000	0,08	100.000.000
	<u>12.500.000</u>	<u>100,00</u>	<u>125.000.000.000</u>	<u>12.500.000</u>	<u>100,00</u>	<u>125.000.000.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT**

Mẫu số B09a – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.13 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	120.308.382.392	18.785.196.794	267.605.361.808
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	64.991.525.483	4.245.056.260	69.236.581.743
Thay đổi tỷ lệ của công ty con đã năm quyền kiểm soát	-	-	-	1.524.556.025	(1.244.556.025)	280.000.000
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	(5.042.772.889)	-	(5.042.772.889)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	181.781.691.011	21.785.697.029	332.079.170.662
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	41.978.267.427	3.488.242.893	45.466.510.320
Thay đổi tỷ lệ của công ty con đã năm quyền kiểm soát	-	-	-	-	775.000.000	775.000.000
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	223.759.958.438	26.048.939.922	378.320.680.982

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 3003/2022/NQ-ĐHCHĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022, Công ty đã thông qua phương án trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi tương ứng số tiền 5.042.772.889 Đồng từ nguồn LSNT chưa phân phối đến cuối năm 2021.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 20235 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY  
TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

## 5.14 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

## (a) Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	Tại ngày	
	30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
<b>Nhà đầu tư ủy thác trong nước</b>		
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>535.824.405.895</b>	<b>589.537.965.289</b>
Cổ phiếu niêm yết bị suy giảm giá trị	181.247.247.609	505.540.611.141
DXS	54.611.506.292	38.433.989.721
PVP	42.999.141.686	39.515.541.433
VRE	41.598.865.000	-
VPB	30.870.176.714	61.339.162.072
DPR	11.167.557.917	19.345.362.154
HPG	-	72.017.016.261
ACB	-	36.455.223.153
Các mã chứng khoán khác	-	238.434.316.347
Cổ phiếu niêm yết không bị suy giảm giá trị	354.577.158.286	83.997.354.148
<b>Cổ phiếu không niêm yết</b>	<b>53.858.333.552</b>	<b>43.741.293.544</b>
<b>Chứng chỉ quỹ niêm yết</b>	<b>172.474.223.562</b>	<b>303.554.448.352</b>
Chứng chỉ quỹ niêm yết bị suy giảm giá trị	63.474.223.562	194.554.448.352
FUESSVFL	33.109.361.055	46.665.295.151
FUESSV50	15.888.935.839	21.536.445.836
FUESSV30	14.475.926.668	20.059.313.292
FUEVN100	-	42.526.152.280
FUEMAV30	-	31.487.828.219
FUEVFNVD	-	22.030.521.400
Chứng chỉ quỹ khác	-	10.248.892.174
Chứng chỉ quỹ niêm yết không bị suy giảm giá trị	109.000.000.000	109.000.000.000
<b>Chứng chỉ quỹ không niêm yết</b>	<b>143.600.853.675</b>	<b>239.130.093.103</b>
<b>Trái phiếu niêm yết</b>	<b>66.241.469.793</b>	<b>120.620.529.216</b>
<b>Trái phiếu không niêm yết (*)</b>	<b>508.335.175.484</b>	<b>1.014.958.027.984</b>
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	<b>212.893.136.328</b>	<b>49.885.773.313</b>
<b>Hợp đồng tiền gửi</b>	<b>598.523.714.261</b>	<b>199.969.178.084</b>
	<b>2.294.747.526.585</b>	<b>2.564.393.522.920</b>
<b>Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài</b>		
<b>Cổ phiếu không niêm yết</b>	<b>2.996.214.035</b>	<b>2.996.214.035</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 20235 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY  
TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)5.14 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
(tiếp theo)

## (a) Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác (tiếp theo)

(\*) Chi tiết số dư danh mục đầu tư trái phiếu doanh nghiệp có rủi ro của các nhà đầu tư ủy thác trong nước như sau:

	Tại ngày	
	30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết	37.690.643.504	168.879.543.984

Các nhà đầu tư ủy thác có các mô hình định giá khác nhau và giá trị hợp lý của các trái phiếu này theo các mô hình định giá đó có thể khác nhau.

## (b) Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	Tại ngày	
	30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
Phải thu lãi tiền gửi, lãi dự thu từ chứng khoán kinh doanh	37.631.053.037	56.735.690.190
Phải thu bán chứng khoán	8.467.369.840	7.703.630.680
Phải thu cổ tức	1.371.600.000	1.378.899.000
Phải thu khác, tài sản khác	883.788.696	65.068.492
	48.353.811.573	65.883.288.362

## (c) Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	Tại ngày	
	30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
Phải trả tiền mua chứng khoán	9.835.720.000	6.813.950.000
Phải trả phí quản lý danh mục	9.720.867.262	11.042.817.821
Phải trả phí khác	511.667.068	191.515.851
	20.068.254.330	18.048.283.672

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 20235 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY  
TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

## 5.15 DOANH THU VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2023 VND	30.6.2022 VND
Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục và ủy thác đầu tư	8.690.121.966	10.420.105.899
- Bên thứ ba	5.549.648.058	8.331.382.479
- Các bên liên quan (Thuyết minh 7(a))	3.140.473.908	2.088.723.420
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ (Thuyết minh 7(a))	1.983.568.841	1.510.524.256
Phí phát hành chứng chỉ quỹ (Thuyết minh 7(a))	-	2.006.000.000
	<u>10.673.690.807</u>	<u>13.936.630.155</u>

## 5.16 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2023 VND	30.6.2022 VND
Chi phí nhân viên	4.382.857.250	3.007.805.119
Chi phí dịch vụ mua ngoài	478.239.786	1.240.489.923
Phí môi giới cho dịch vụ phát hành	-	650.000.000
Các chi phí khác	710.566.425	768.727.529
	<u>5.571.663.461</u>	<u>5.667.022.571</u>

## 5.17 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2023 VND	30.6.2022 VND
Lãi nhận từ trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi	154.777.397.650	108.801.229.478
Lãi tiền gửi	69.112.693.235	4.165.009.563
Lãi cho vay	18.981.537.223	842.465.753
Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư	11.279.213.883	38.054.545.668
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	11.200.000.000
Khác	1.821.443.724	2.559.145.293
	<u>255.972.285.715</u>	<u>165.622.395.755</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 20235 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY  
TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

## 5.18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2023	30.6.2022
	VND	VND
Chi phí hoạt động hợp tác đầu tư với người dùng	186.501.582.726	100.363.311.258
Lãi tiền vay	16.160.749.265	20.101.110.646
Lỗ do thanh lý/bán các khoản đầu tư tài chính	216.000.000	969.934.317
Hoàn nhập dự phòng đánh giá lại chứng khoán kinh doanh	(1.792.296.696)	-
Chi phí tài chính khác	15.146.463	140.022.031
	<u>201.101.181.758</u>	<u>121.574.378.252</u>

## 5.19 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2023	30.6.2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.375.995.373	1.477.098.351
Chi phí dịch vụ mua ngoài	881.031.585	622.831.178
Các chi phí khác	577.291.720	349.439.753
	<u>3.834.318.678</u>	<u>2.449.369.282</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 20235 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY  
TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

## 5.20 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty và các công ty con khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2023 VND	30.6.2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	56.156.615.799	49.743.249.114
Thuế tính ở thuế suất 20%	11.231.323.159	9.948.649.822
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	12.000.000	3.980.000
Dự phòng thừa của năm trước	(556.451.107)	-
Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	3.233.427	-
Chi phí thuế TNDN (*)	10.690.105.479	9.952.629.822
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:		
Thuế TNDN - hiện hành	9.987.372.583	10.426.429.934
Thuế TNDN - hoãn lại	702.732.896	(473.800.113)
	10.690.105.479	9.952.629.821

(\*) Chi phí thuế TNDN trong kỳ được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 20235 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY  
TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

## 5.21 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

## (a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi, chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán giữa niên độ, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong kỳ trừ đi cổ phiếu quỹ (nếu có). Chi tiết như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2023	30.6.2022
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	41.978.267.427	37.666.563.864
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	12.500.000	12.500.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	3.358	3.013

## (b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty và các công ty con không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong kỳ kế toán giữa niên độ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

5.22 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
("BCLCTT") HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT hợp nhất giữa niên độ như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2023 VND	30.6.2022 VND
Lãi nhập gốc của khoản vay	15.165.000.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Công ty và các công ty con có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính ba gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Hội đồng Quản trị của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty và các công ty con. Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết ví dụ như xác định rủi ro và đo lường rủi ro, giới hạn đầu tư và chiến lược đầu tư. Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự quản lý rủi ro của Công ty và các công ty con. Nhân sự quản lý rủi ro đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Tổng Giám đốc xem xét.

**(a) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Công ty và các công ty con hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Công ty và các công ty con nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

*(i) Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty và các công ty con sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các mức lãi suất sao cho có lợi nhất cho mục đích của Công ty mà vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro.

Phần lớn các khoản tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi, đầu tư trái phiếu, cho vay và đi vay của Công ty đều có lãi suất cố định.

*(ii) Rủi ro giá*

Rủi ro giá là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Công ty và các công ty con đầu tư vào trái phiếu niêm yết và chứng chỉ quỹ niêm yết mà giá trị của các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro biến động của giá thị trường trong tương lai. Công ty và các công ty con không chịu rủi ro về giá hàng hóa.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, nếu giá các trái phiếu niêm yết và chứng chỉ quỹ niêm yết tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty và các công ty con sẽ cao hơn/thấp hơn 45.453.726.218 Đồng, tương ứng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 35.360.528.718 Đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty và các công ty con phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty và các công ty con. Rủi ro này chủ yếu phát sinh từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư trái phiếu và các khoản phải thu.

Tổng Giám đốc liên tục theo dõi rủi ro mất khả năng chi trả của khách hàng và các đối tác khác, bao gồm cá nhân và tổ chức, và kết hợp thông tin này với việc quản lý rủi ro tín dụng. Công ty và các công ty con có chính sách là chỉ giao dịch với các đối tác tin cậy.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và chưa tính đến tài sản thế chấp cũng như các biện pháp đảm bảo khác.

*(i) Số dư với tổ chức tín dụng*

Số dư với tổ chức tín dụng (ngân hàng và công ty tài chính) bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và lãi dự thu.

Tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi của Công ty được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Tổng Giám đốc tín nhiệm. Số dư với các tổ chức tín dụng được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận kinh doanh nguồn vốn theo chính sách của Công ty và báo cáo định kỳ cho Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến số dư với các tổ chức tín dụng là thấp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có số dư nào với các tổ chức tín dụng nào bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

*(ii) Trái phiếu*

Trái phiếu thuộc danh mục đầu tư tài chính của Công ty là các trái phiếu được phát hành bởi tổ chức có phương án phát hành được phê duyệt bởi UBCKNN. Các đề xuất đầu tư vào các trái phiếu này được phê duyệt theo chính sách đầu tư của Công ty.

Danh mục đầu tư vào trái phiếu được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận kinh doanh nguồn vốn và báo cáo định kỳ cho Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các trái phiếu của Công ty là thấp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, số dư danh mục đầu tư trái phiếu doanh nghiệp có rủi ro là 19.082.504.577 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 46.723.810.045 Đồng).

*(iii) Các khoản phải thu*

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tín nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty và các công ty con sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty và các công ty con là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây liệt kê các khoản nợ tài chính của Công ty và các công ty con theo dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn dưới 1 năm.

	<b>Tại ngày</b>	
	<b>30.6.2023</b>	<b>31.12.2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay ngắn hạn	455.002.500.000	206.300.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	290.719.540.965	32.179.115.956
Chi phí phải trả ngắn hạn	24.836.714.108	16.860.576.452
Phải trả ngắn hạn khác	5.868.335.203.883	4.443.516.798.717
	<b>6.638.893.958.956</b>	<b>4.698.856.491.125</b>

**(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính**

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, am hiểu và tự nguyện theo nguyên tắc giao dịch sòng phẳng ngang giá tại ngày định giá.

Đối với các khoản đầu tư tài chính, giá trị hợp lý đã được trình bày ở Thuyết minh 5.2. Ngoài ra, giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác xấp xỉ giá trị hợp lý do tính chất ngắn hạn của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

## 7 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thiên Việt	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Finsight	Công ty con
Công ty Cổ phần Camellia Wealth	Công ty con
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2	Quỹ do Công ty quản lý
Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 3	Quỹ do Công ty quản lý
Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 4	Quỹ do Công ty quản lý
Ban lãnh đạo	Bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty mẹ và các công ty con

## (a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ bao gồm:

**Giao dịch với bên liên quan của Công ty**

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2023 VND	30.6.2022 VND
<b>Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục và ủy thác đầu tư (Thuyết minh 5.10)</b>		
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thiên Việt	3.140.473.908	2.088.723.420
<b>Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ (Thuyết minh 5.10)</b>		
Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 4	1.009.526.555	-
Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 3	974.042.286	1.134.970.962
Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 2	-	375.553.294
	<u>1.983.568.841</u>	<u>1.510.524.256</u>
<b>Phí phát hành và phí mua lại chứng chỉ quỹ (Thuyết minh 5.10)</b>		
Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 4	-	2.006.000.000
	<u>-</u>	<u>2.006.000.000</u>
<b>Phí lưu ký</b>		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	2.285.849	1.309.500
	<u>2.285.849</u>	<u>1.309.500</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

## 7 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

*Giao dịch với liên liên quan của Công ty (tiếp theo)*

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2023 VND	30.6.2022 VND
<b>Doanh thu hoạt động tài chính (Thuyết minh 5.12)</b>		
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2	-	11.200.000.000
<b>Các khoản chi cho nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	672.600.000	666.600.000
<b>Giao dịch với bên liên quan của các công ty con</b>		
<b>Chi phí giao dịch</b>		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	86.303.400	104.139.900
<b>Cho vay</b>		
Ban lãnh đạo Finsight	323.100.000.000	-
<b>Thu hồi cho vay</b>		
Ban lãnh đạo Finsight	195.800.000.000	
<b>Nhận tiền vay</b>		
Ban lãnh đạo Finsight	63.700.000.000	582.002.000.000
Ban lãnh đạo TVS	76.902.500.000	304.500.000.000
	140.602.500.000	886.502.000.000
<b>Trả tiền vay</b>		
Ban lãnh đạo Finsight	63.700.000.000	959.160.000.000
Ban lãnh đạo TVS	17.000.000.000	4.500.000.000
	80.700.000.000	963.660.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

## 7 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

*Giao dịch với bên liên quan của các công ty con (tiếp theo)*

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2023 VND	30.6.2022 VND
<b><i>Chi phí lãi vay</i></b>		
Ban lãnh đạo Finsight	120.284.932	5.206.171.947
Ban lãnh đạo TVS	8.362.922.892	7.675.472.243
	<u>8.483.207.824</u>	<u>12.881.644.190</u>
<b><i>Thu nhập lãi</i></b>		
Ban lãnh đạo Finsight	<u>3.516.621.918</u>	-
<b><i>Mua cổ phiếu OTC</i></b>		
Công ty CP Chứng Khoán Thiên Việt	<u>67.404.587.367</u>	<u>61.632.968.000</u>
<b><i>Bán cổ phiếu OTC</i></b>		
Công ty CP Chứng Khoán Thiên Việt	<u>112.255.018.079</u>	-
<b><i>Bán trái phiếu</i></b>		
Công ty CP Chứng Khoán Thiên Việt	<u>205.391.780.800</u>	<u>100.357.520.400</u>
<b><i>Mua trái phiếu</i></b>		
Công ty CP Chứng Khoán Thiên Việt	<u>414.794.520.600</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

Mẫu số B09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

7 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan

	Tại ngày	
	30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
<b>Đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh 5.2(a))</b>		
Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 3	13.125.000.000	13.125.000.000
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 5.5)</b>		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	276.807.327.499	-
<b>Cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 5.2(a))</b>		
Bên liên quan của Công ty Cổ phần Finsight	127.300.000.000	-
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Ban lãnh đạo TVS	243.400.000.000	238.095.000.000
<b>Vay ngắn hạn (Thuyết minh 5.11)</b>		
Ban lãnh đạo TVS	245.402.500.000	-
<b>Vay dài hạn (Thuyết minh 5.11)</b>		
Ban lãnh đạo TVS	-	185.500.000.000
<b>Vốn góp (Thuyết minh 5.13)</b>		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	124,800,000,000	124,800,000,000

8 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty và các công ty con phải trả mức tối thiểu trong tương lai cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, như sau:

	Tại ngày	
	30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
Dưới 1 năm	1.659.037.080	1.821.037.080
Từ 1 đến 5 năm	499.012.360	1.247.530.900
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	2.158.049.440	3.068.567.980

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023****9 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số dữ liệu tương ứng của năm trước đã được phân loại lại và trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mã số	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo trước đây VND	Tại ngày 31.12.2022	
			Phân loại lại VND	Số liệu phân loại lại VND
316	Chi phí phải trả ngắn hạn	386.208.166	16.474.368.286	16.860.576.452
319	Phải trả ngắn hạn khác	4.459.991.167.003	(16.474.368.286)	4.443.516.798.717

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mã số	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo trước đây VND	Tại ngày 31.12.2022	
			Các điều chỉnh VND	Số liệu trình bày lại VND
040	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác			
041	Nhà đầu tư ủy thác trong nước	2.543.977.522.919	20.416.000.001	2.564.393.522.920
042	Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	-	2.996.214.035	2.996.214.035

**10 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cần điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được Tổng Giám Đốc phê chuẩn để phát hành vào ngày 14 tháng 8 năm 2023.



Phạm Uyên Vy  
Người lập



Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng



Tô Quốc Tuấn  
Giám đốc Tài chính và Kế toán  
(Công ty mẹ)  
Chữ ký được ủy quyền